TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 778/2023/HC-PT
Ngày: 27-10- 2023
V/v: "Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính trong quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 580/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản hành chính sơ thẩm số 45/2023/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11568/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện*:* Bà N, sinh năm 1963; Nơi đăng ký HKTT: Số 118 N2, phường N3, quận N4, thành phố Hải Phòng; Nơi tạm trú: Thôn W B, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng (có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Chu Thị Thanh N1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 6, ngõ 117 Đ, phường Đ2, quận Đ3, Hà Nội, theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023 (vắng mặt). Bà N không ủy quyền cho bà Chu Thị Thanh N1 tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/10/2023.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

+ Ông Vũ Văn L và ông Vũ Quang B- Luật sư của Công ty Luật TNHH B1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 6, ngõ 117 B2, phường B3, quận B4, Hà Nội (có mặt).

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Số 5 T1, thị trấn T2, huyện T, thành phố Hải Phòng;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; Số 5 T1, thị trấn T2, huyện T, thành

phố Hải Phòng;

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn V- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, theo văn bản ủy quyền số 18394/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (vắng mặt).

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện*:**

+ Ông Đào X, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện T; vắng mặt;

+ Ông Nguyễn X1, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T; vắng mặt;

+ Ông X2, Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai- Chi nhánh huyện T; vắng mặt;

+ Ông X3, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện T; Vắng mặt;

+ Ông X4, nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T; vắng mặt.

+ Ông X5, công chức địa chính, xây dựng xã V, huyện T; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bùi Q; Nơi cư trú: Số 118 N2, phường N3, quận N4, thành phố Hải Phòng; Nơi tạm trú: Thôn W B, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Tr; Nơi cư trú tại: Số 118 N2, phường N3, quận N4, thành phố Hải Phòng; Nơi tạm trú: Thôn W B, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/11/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà N trình bày:

Bà N là người có quyền sử dụng đối với diện tích đất 66,0m^2 tại thửa số 240, tờ bản đồ số 08, thuộc thôn W B, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thửa đất trên được sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 2005, không phát sinh bất kỳ tranh chấp gì. Thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 6282/QĐ-UBND ngày 06/9/2021, thu hồi diện tích đất 66m^2 nêu trên của gia đình Bà N. UBND huyện T xác định diện tích đất thu hồi của gia đình Bà N là đất hành lang giao thông, không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất, không được bồi thường mà chỉ được áp dụng hỗ trợ về đất theo quy định của UBND thành phố. Tại Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư ban hành kèm theo Phương án bồi thường số 14/PA-TCT đã áp dụng đơn giá bồi thường cho gia đình bà là 3.600.000 đồng/m^2. Tại thửa đất bị thu hồi có 01 gia đình đã được cấp sổ hộ khẩu mang tên N; ngoài ra còn có 02 con của bà đủ điều kiện tách hộ hiện đang sinh sống trên đất. Tuy nhiên, UBND huyện T không hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà. Mặt khác, việc cưỡng chế thu hồi đất của UBND

huyện T đối với gia đình bà là trái pháp luật. Vì vậy, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định thu hồi đất số 6282/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của gia đình bà N tại thôn W B, xã V, huyện T, Hải Phòng;

+ Hủy Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ;

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 10010/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Hủy Quyết định thu hồi đất số 6282/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của gia đình bà N tại thôn W B, xã V, huyện T, Hải Phòng và Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 10010/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà N. Bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; xét tái định cư cho gia đình bà.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại của người bị kiện là UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng có quan điểm:

Hộ bà N sử dụng diện tích 66m^2 đất tại thửa số 240, tờ bản đồ số 08. Theo sổ mục kê lập năm 1984 và bản đồ giải thửa 299 hiện đang lưu giữ tại UBND xã V thì hộ Bà N sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa số 312, tờ bản đồ số 03, có diện tích là 236.620m^2, loại đất Đầm "Đ", đăng ký Đầm Tân Hoa. Hộ Bà N sử dụng đất nêu trên vào mục đích làm nhà ở không cung cấp được giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai 2013, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và cũng không cung cấp được giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất ổn định, liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ. UBND xã V không còn lưu giữ được các giấy tờ liên quan đến việc sử dụng đất ổn định, liên tục vào một mục đích chính nhất định của hộ bà N.

Ngày 20/11/2019, UBND xã V tổ chức lấy ý kiến của khu dân cư đối với thửa đất số 240, tờ số 08 (trích đo địa chính thu hồi đất) của hộ bà N đang sử dụng thuộc thôn W B, xã V. Theo phiếu lấy ý kiến xác định: Đất do bà Mai Thị Dung sử dụng làm nhà từ năm 2005, bà Dung chết năm 2013, không có ai sử dụng, đến tháng 8/2014 bà N trông coi, sử dụng. Thửa đất số 240, tờ số 08 (tức một phần thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 bản đồ giải thửa 299) được sử dụng vào mục đích làm nhà từ năm 2005, sau thời điểm Nghị định số 173-NĐ/HĐBT ngày 21/11/1963 của Chính phủ quy định về điều lệ bảo vệ đê điều đã có hiệu

lực pháp luật. Do đó, xác định thửa đất số 240, tờ số 08 sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở sau ngày 01/7/2004, vi phạm hành lang bảo vệ đê điều theo quy định tại Nghị định số 173-NĐ/HĐBT ngày 21/11/1963 của Chính Phủ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật Đất đai 2013 và Khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thửa đất số 240, tờ số 08 (mảnh trích đo địa chính thu hồi đất) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở.

Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 14,5m^2 và các công trình khác. Theo báo cáo Ủy ban nhân dân xã V từ trước khi có Thông báo thu hồi đất số 113/TB-UBND ngày 17/4/2017 đến thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 6282/QĐ-UBND ngày 6/9/2021, hộ bà N không ăn ở trên đất thu hồi. Hộ bà N, thường trú tại phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, không có tạm trú tại xã V.

Theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 28/01/2008 của UBND quận Hồng Bàng về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà N tại thửa đất số 186 tờ bản đồ số 23, diện tích 21,1m^2, tại địa chỉ số 15, ngõ 118, đường Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, hiện nay Bà N vẫn sử dụng ổn định, ăn ở, sinh hoạt tại địa chỉ trên.

Từ các căn cứ nêu trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có văn bản ghi ý kiến và không có tài liệu, chứng cứ gửi Tòa án.

Tại Bản án hành chính số 45/2023/HC-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm d khoản 1 Điều 123, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 347, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62, Điều 69, Điều 75, Điều 76, Điều 79, Điều 83 Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 12 và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu yêu cầu khởi kiện của bà N về việc tuyên hủy Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà N về việc tuyên hủy Quyết định số 6282/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của gia đình bà N tại thôn W B, xã V, huyện T, Hải Phòng; Quyết định số 10010/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/6/2023, người khởi kiện là bà N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện nên các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà N là người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà N.

Sau khi người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày kháng cao, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng về phương án bồi thường đối với hộ gia đình Bà N.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có đơn xin vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT) đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người khởi kiện: Ngày 21/6/2023, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo thay đổi kháng cáo đúng pháp luật được hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt người khởi kiện kháng cáo, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa mở nhiều lần nên HĐXXPT quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 06/10/2022, bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính: Quyết định số 6282/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 10010/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà N. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và thụ lý giải quyết trong thời hiệu khởi kiện, đúng thẩm quyền là đúng quy định tại Điều 30, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[4.1] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 14/PA-TCT đối với hộ bà N:

UBND huyện T đã tiến hành các thủ tục ban hành Thông báo thu hồi đất, kiểm kê tài sản, thực hiện lấy ý kiến và giao cho người có đất bị thu hồi, ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đúng trình tự quy định tại Điều 66 và Điều 69 của Luật Đất đai 2013. Như vậy, UBND huyện T ban hành 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 14/PA-TCT đối với hộ bà N là đúng theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về bồi thường, hỗ trợ:

Theo trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11/4/2017 phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm thì gia đình Bà N sử dụng diện tích đất 66m^2 tại thửa số 240, tờ bản đồ số 08, thôn W B, xã V, huyện T, Hải Phòng.

Về nguồn gốc đất, quá trình biến động: Theo Sổ mục kê, bản đồ giải thửa 299 lưu trữ tại UBND xã V, vị trí đất do hộ Bà N sử dụng thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ giải thửa số 03. Căn cứ theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và báo cáo về nguồn gốc hiện trạng sử dụng đất của UBND xã V: Đất do bà N sử dụng làm nhà ở có nguồn gốc của bà Dung là nhà từ năm 2005 (bà Dung không có chồng con, chết năm 2013, đến khoảng tháng 8/2014 Bà N đến ở, sử dụng). Theo Bà N trình bày Bà N ở từ năm 1989, khi đó có làm nhà tạm khoảng 16 m^2 lợp giấy dầu, thường thì Bà N đi làm thuyền ở trên thuyền, Bà N ra ở đó khi còn là đất trống, không có cơ quan, tổ chức nào giao đất, không đăng ký quyền sử dụng đất

với cơ quan có thẩm quyền nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ xác định Bà N ra ở đó sau khi bà Dung chết năm 2013 phù hợp với tài liệu thể hiện việc năm 2014 mới có hợp đồng sử dụng nước, Bà N có nhà và cư trú bên phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng. Vị trí thửa đất bị thu hồi thuộc hành lang bảo vệ đê điều, Bà N sử dụng vào mục đích làm nhà ở từ sau ngày 01/7/2004, theo khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, do đó không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất ở, không được bồi thường về đất theo quy định.

Việc bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố và Văn bản số 4515/UBND-ĐC3 ngày 26/7/2019 của UBND thành phố. Mức hỗ trợ về vật kiến trúc đối với hộ Bà N được áp dụng 30% mức quy định tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố.

Biên bản kiểm kê lập hồi 09 giờ 30 phút ngày 10/5/2017 tại khu đất gia đình bà N thể hiện diện tích đất thực tế sử dụng là 66m^2 tại thửa số 240, tờ bản đồ số 08; cây cối, hoa màu, vật kiến trúc trên đất đã được kiểm kê đầy đủ, trước sự chứng kiến của Bà N; Bà N trực tiếp ký tên, điểm chỉ vào biên bản.

Tại thời điểm kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, hộ Bà N không xuất trình được bất kỳ tài liệu, giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai; hộ Bà N không có hộ khẩu thường trú tại địa phương, không ăn ở trên đất bị thu hồi. Hiện trạng công trình trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4 diện tích 13,3 m^2 và các công trình phụ khác. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Đất đai, khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không có căn cứ hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình Bà N.

Như vậy, Quyết định số 6287/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo phương án số 14/PA-TCT đối với hộ bà N được ban hành đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền pháp luật quy định, tài sản của bà N đã được bồi thường đầy đủ theo bảng kiểm kê tài sản, đúng theo đơn giá UBND thành phố Hải Phòng quy định, hộ gia đình Bà N cũng không đủ điều kiện tái định cư. Bà N không xuất trình được quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay văn bản chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất diện tích 66m^2 bị thu hồi, không đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền. Những căn cứ Bà N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà N đưa ra không chứng minh được quyền sử dụng đất hợp pháp của Bà N. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định 6287/QĐ-UBND kèm theo phương án số 14/PA-TCT đối với hộ Bà N là có căn cứ.

[5] Đối với Quyết định số 6282/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 10010/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá xem xét xác định các quyết định này được ban hành là đúng pháp

luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã rút yêu cầu về hủy các quyết định này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà N không được chấp nhận nên Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Bà N đã nộp.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà N và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 45/2023/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000064 ngày 14/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/10/2023.

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Mạnh Hùng	**Nguyễn Ngọc Hoa**	**Ngô Quang Dũng**